

Bản án số: 95/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 17-12-2025

V/v: “Xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6-VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đoan Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hùng

2. Ông Đoàn Văn Vui

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Như – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6-Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6-Vĩnh Long công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 196/2025/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2025 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 196/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 118/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:** Bà Bùi Thị Kim N, sinh năm 1990

Địa chỉ: ấp H1, xã HKT, tỉnh Vĩnh Long.

***Bị đơn:** Ông Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1991

Địa chỉ: ấp H1, xã HKT, tỉnh Vĩnh Long.

(Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Bùi Thị Kim N trình bày:

Bà và ông Nguyễn Hoàng T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã LĐĐA, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu (nay là xã ĐH, tỉnh Cà Mau) vào ngày 12/5/2011. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm với nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Vợ chồng đã ly thân với nhau từ năm 2021 cho đến nay. Trong thời gian ly thân, bà thấy vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm được với nhau. Nay

bà thấy không còn tình cảm với ông T nên yêu cầu Tòa án cho ly hôn ông T.

Trong quá trình hôn nhân, bà và ông T 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Trọng K, sinh ngày 24/10/2012. Sau khi ly hôn, bà Bùi Thị Kim N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung. Bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà N trình bày do hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà N trình bày không có.

** Bị đơn ông Nguyễn Hoàng T trình bày.*

Tôi thống nhất với lời trình bày của bà N về điều kiện kết hôn cũng như thời điểm kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo bà N trình bày là đúng, đôi lúc ông có ghen tuông với bà N và có lần bà N thấy tin nhắn trong điện thoại của ông với những người bạn nữ khác rồi phiền lòng. Trước đây, bà N có nộp đơn xin ly hôn một lần ở Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh Bến Tre nhưng sau đó gia đình cha mẹ hai bên vợ chồng có hàn gắn nên bà N rút đơn xin ly hôn. Vợ chồng ông đã ly thân với nhau khoảng 03 năm, sống chung nhà nhưng ít nói chuyện với nhau. Ông xin vợ thêm cơ hội, ông sẽ sửa đổi để vợ chồng hàn gắn lại hạnh phúc gia đình với nhau. Ông không đồng ý ly hôn do ông còn thương vợ con.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Trọng K, sinh ngày 24/10/2012. Ông không đồng ý ly hôn, trường hợp Tòa án cho ly hôn thì ông đồng ý để bà N trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung. Ông T không cấp dưỡng nuôi con chung do bà N không yêu cầu, khi nào có tiền ông phụ bà N nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông T trình bày do hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết ;

- Về nợ chung: Ông T trình bày không có.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình; Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Bùi Thị Kim N đối với ông Nguyễn Hoàng T; Về con chung: vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Trọng K, sinh ngày 24/10/2012. Bà N cương quyết xin ly hôn, ông T không đồng ý ly hôn, tuy nhiên xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà N, ông T đã xảy ra. Bà N đã nộp đơn xin ly hôn, đã

được hàn gắn nhưng vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn và ly thân nhau từ năm 2021 đến nay không hàn gắn được, do đó đề nghị Tòa án chấp nhận đơn xin ly hôn của bà N. Sau khi ly hôn, bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc con chung, ông T đồng ý nên ghi nhận. Bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận. Về tài sản chung: bà N, ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét giải quyết. Về nợ chung: ông T, bà N khai không có nên đề nghị không xem xét giải quyết;

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét đây là vụ án xin ly hôn, bị đơn ông Nguyễn Hoàng T hiện đang cư trú tại xã HKT, tỉnh Vĩnh Long nên căn cứ Điều 28 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6-Vĩnh Long là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2] Bị đơn ông Nguyễn Hoàng T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần để tham gia phiên họp hòa giải nhưng ông T đến Tòa án hòa giải 01 lần. Tòa án nhân dân khu vực 6-Vĩnh Long đã triệu tập họp lệ đến lần thứ hai ông T tham dự phiên tòa nhưng ông T không đến không vì sự kiện bất khả kháng hoặc lý do khách quan. Nguyên đơn bà Bùi Thị Kim N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà N, ông T là đúng quy định.

[3] Về hôn nhân: Ông Nguyễn Hoàng T và bà Bùi Thị Kim N tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã LDDA, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu (nay là xã ĐH, tỉnh Cà Mau) vào ngày 12/5/2011 nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng đã ly thân với nhau từ năm 2021 cho đến nay. Nay bà N xác định không còn tình cảm với ông T nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T. Bà N có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Xét thấy mâu thuẫn giữa bà N với ông T thực tế đã xảy ra. Bà N có nộp đơn xin ly hôn ông T tại Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh Bến Tre, tuy nhiên bà N đã rút đơn xin ly hôn để vợ chồng hàn gắn lại với nhau. Bà N đã cho ông T nhiều cơ hội sửa đổi nhưng ông T không thay đổi nên bà tiếp tục xin ly hôn ông T. Điều này cho thấy vợ chồng bà N, ông T thực tế có mâu thuẫn với nhau, mặc dù sống chung nhà với nhau nhưng cả hai thừa nhận ít nói chuyện với nhau và đã ly thân nhau từ năm 2021 cho đến nay. Nay, ông T yêu cầu bà N cho ông T thêm cơ hội thay đổi, ông không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con nhưng ông T không có biện pháp nào để bà N tin tưởng mà vẫn cương quyết xin ly hôn. Từ đó, cho thấy thực tế mâu thuẫn giữa vợ chồng bà N, ông T đã trầm trọng, mục

đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà N.

[4] Về con chung: Vợ chồng bà Bùi Thị Kim N và ông Nguyễn Hoàng T có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Trọng K, sinh ngày 24/10/2012. Sau khi ly hôn, bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc con chung, ông T mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng trường hợp Tòa án cho ly hôn thì ông T cũng đồng ý để cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc con chung. Mặt khác, Hội đồng xét xử xét thấy cháu K có nguyện vọng sống cùng bà N nên giao cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc con chung là phù hợp. Ghi nhận bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: Bà Bùi Thị Kim N và ông Nguyễn Hoàng T thống nhất tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà Bùi Thị Kim N và ông Nguyễn Hoàng T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Xét thấy ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000(Ba trăm ngàn) đồng bà Bùi Thị Kim N phải chịu theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ các Điều 28, 35, 147, 227, 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Bùi Thị Kim N.

- Về hôn nhân: Bà Bùi Thị Kim N được ly hôn ông Nguyễn Hoàng T.

- Về con chung: Ông Nguyễn Hoàng T và bà Bùi Thị Kim N có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng Trọng K, sinh ngày 24/10/2012. Sau khi ly hôn, bà Bùi Thị Kim N được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc con chung. Ghi nhận bà Bùi Thị Kim N không yêu cầu ông Nguyễn Hoàng T cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Nguyễn Hoàng T được quyền đến thăm, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Bùi Thị Kim N và ông Nguyễn Hoàng T tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Bùi Thị Kim N và ông Nguyễn Hoàng T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) bà Bùi Thị Kim N phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006622 ngày 20/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long).

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 6-Vĩnh Long;
- Phòng THA khu vực 6- Vĩnh Long;
- UBND xã ĐH, tỉnh Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Đoan Trang

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Hùng

Đoàn Văn Vui

Nguyễn Thị Đoan Trang

